CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đại Thiên Lộc

Ngày 30/09/2025	13,950 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	22.4%	**40.2%**	**37.4%**

DT thuần
Q3/25
427
tỷ VNĐ
QoQ: ▼178| -29.4%
YoY: ▼208| -32.7%

LN thuần
Q3/25
-21.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.4| 48.9%
YoY: ▼7.00| -48.4%

LN sau thuế
Q3/25
-26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.7| 30.9%
YoY: ▼27.1| -3112%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-2.4%
YoY: +/-▼ 52.9%

ROE (TTM)
Q3/25
-13.2%
YoY: +/-▼ 4.0%

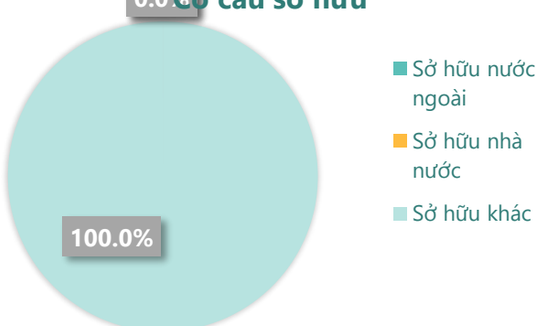
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,250 - 15,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	846
Số lượng CPLH (CP)	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,930
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.24
EPS	-1,548
P/E	-9.0

DT thuần
9T 2025
1,414
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00| 0.1%

LN thuần
9T 2025
-88.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.7| -41.2%

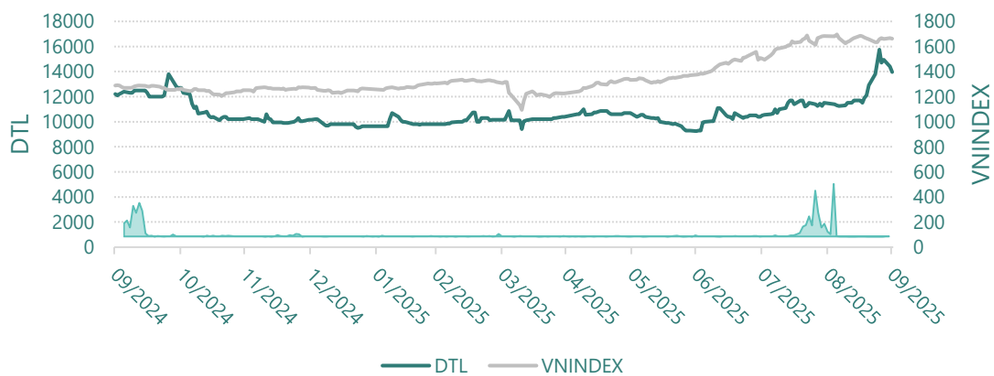
LN sau thuế
9T 2025
-94.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼100.0| -1894%

Cơ cấu sở hữu

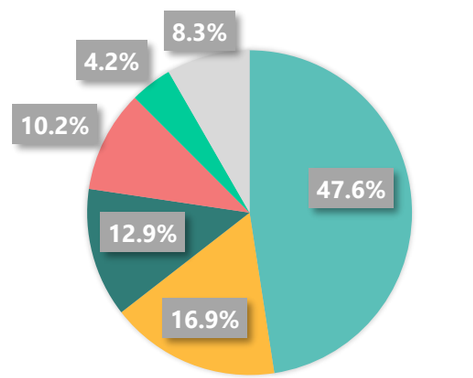


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

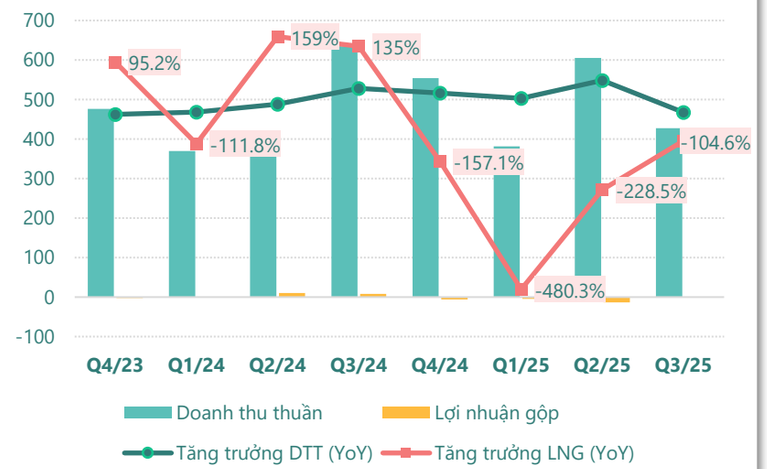


- Nguyễn Thanh Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức
- Nguyễn Thị Bích Liên (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thanh Loan
- Nguyễn Thanh Dung (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

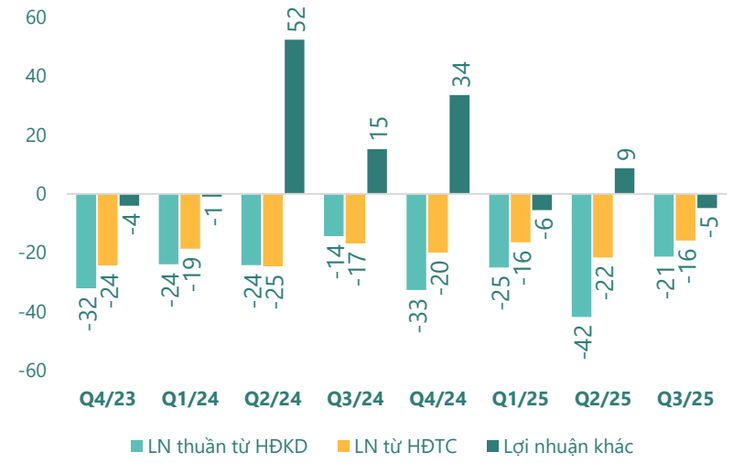
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



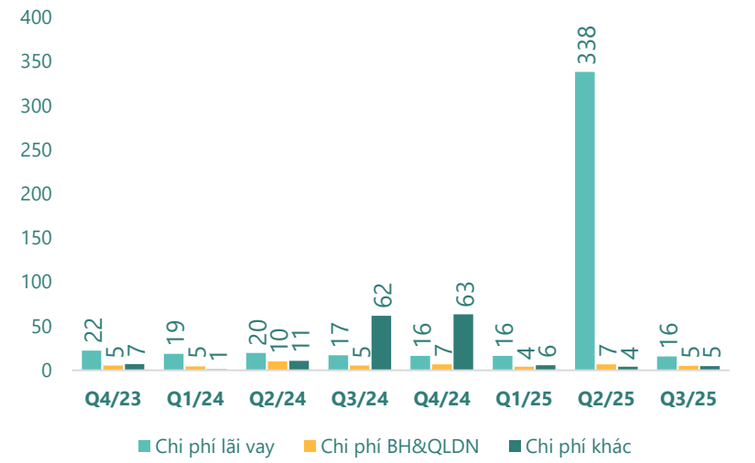
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



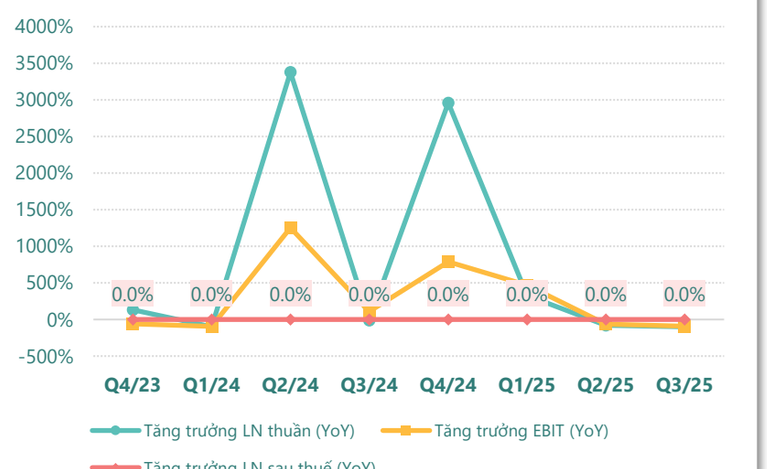
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



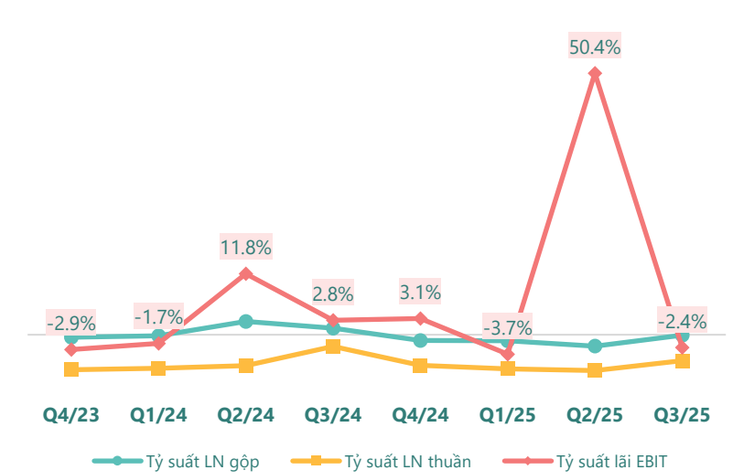
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



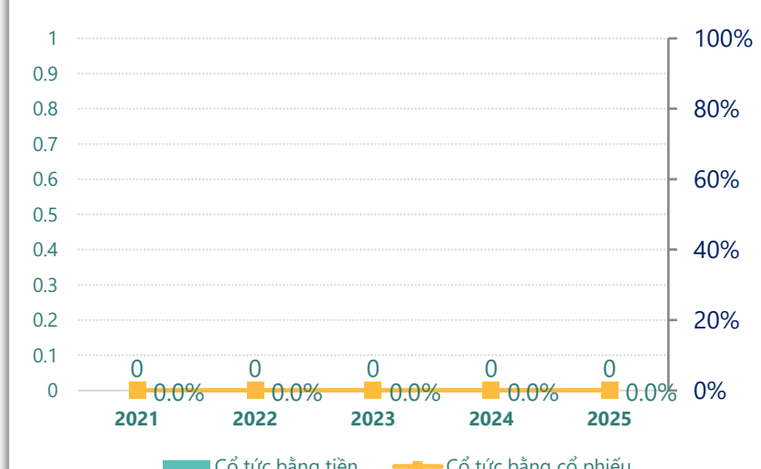
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

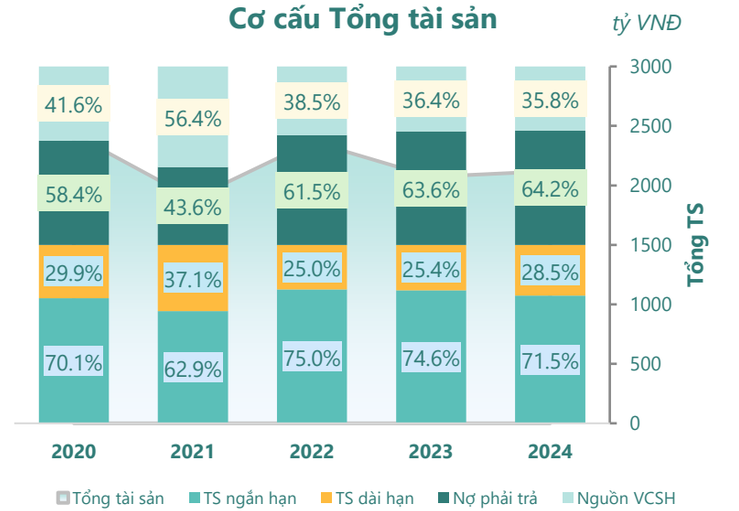
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

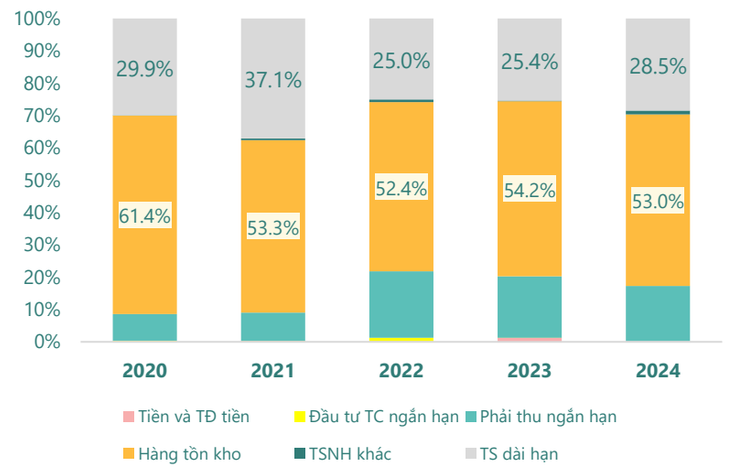
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



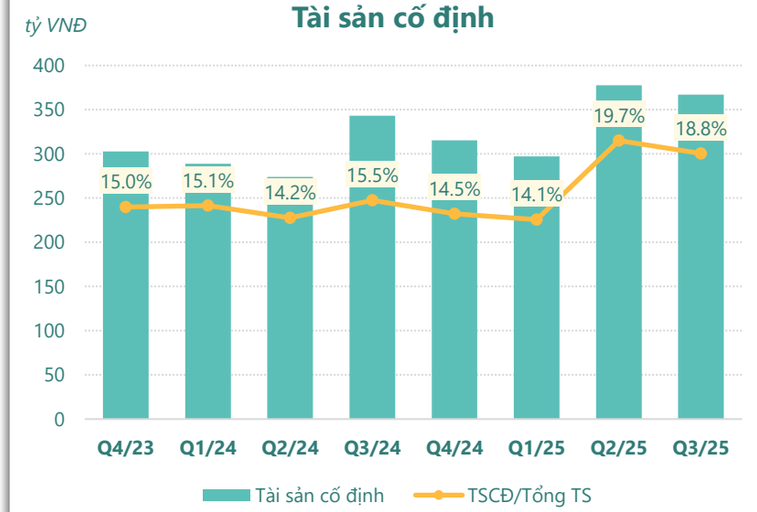
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



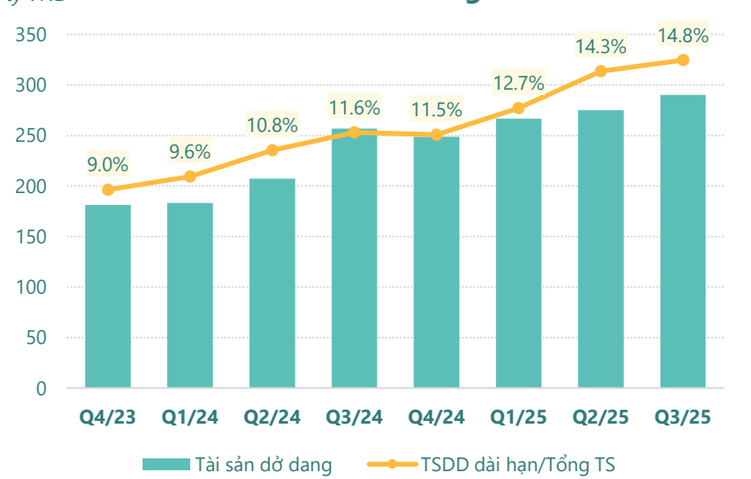
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



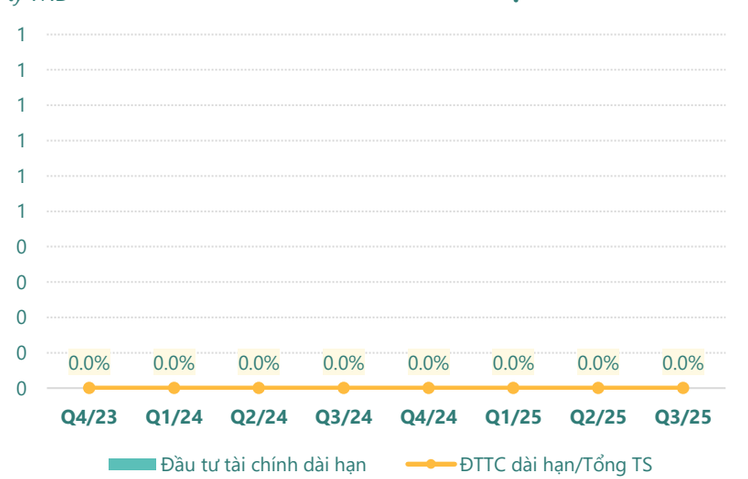
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



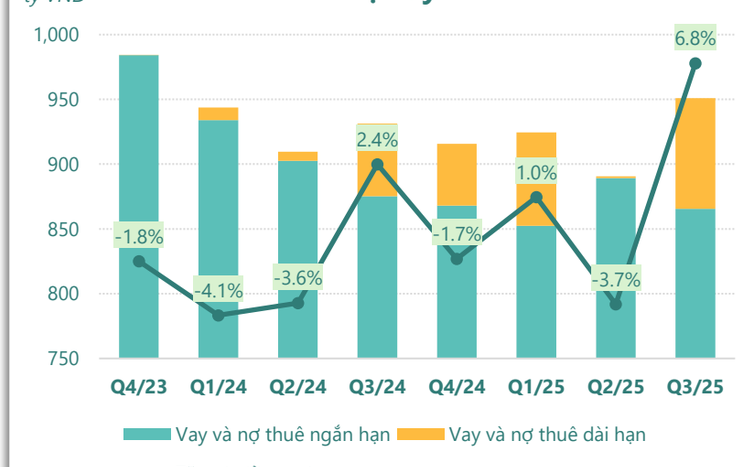
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

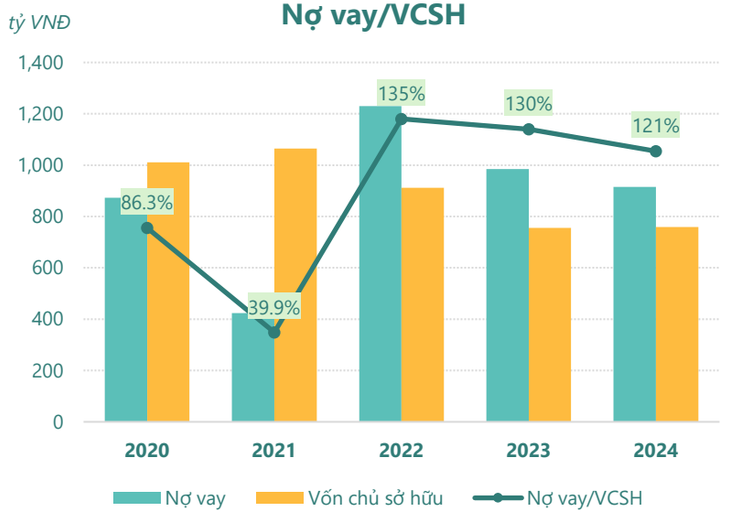
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

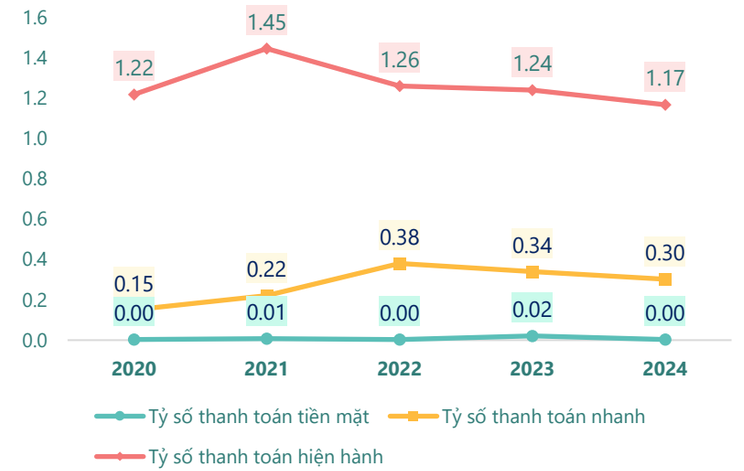
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



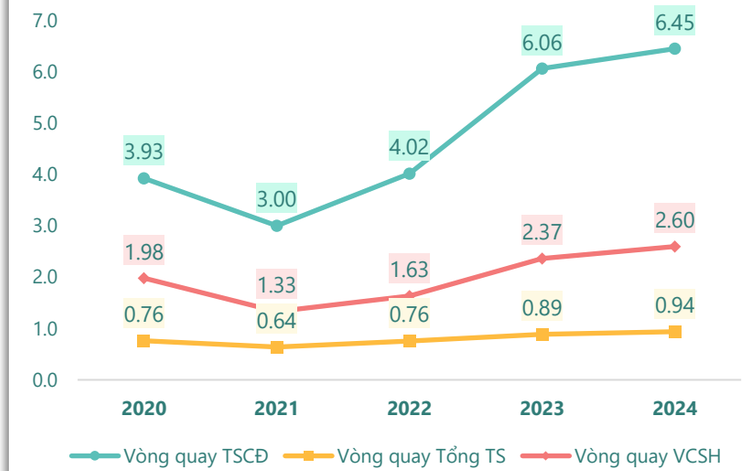
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



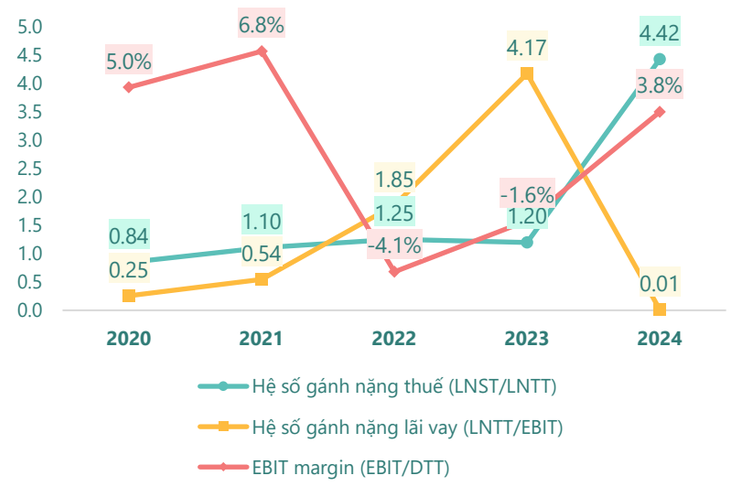
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



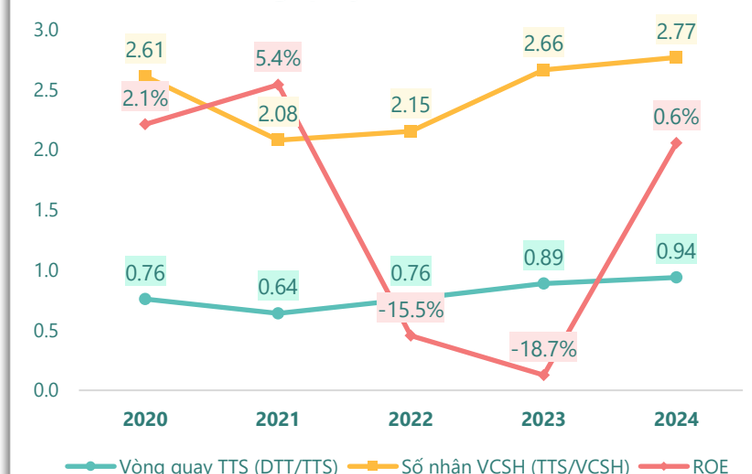
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



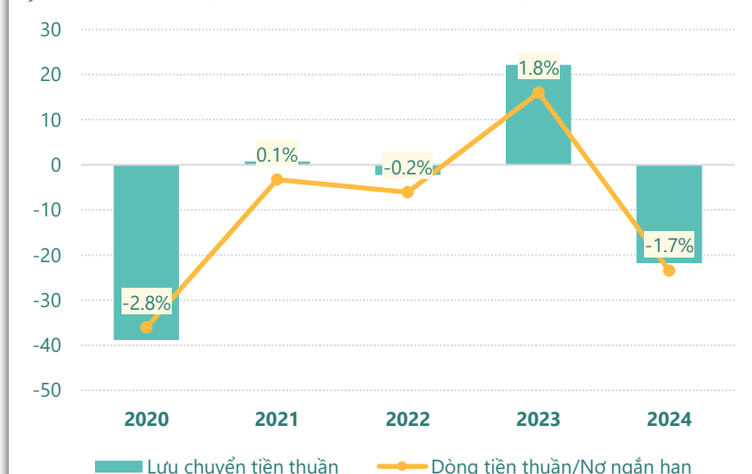
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**427**	**635**	**-32.7%**	**1,414**	**1,412**	**0.1%**
Giá vốn hàng bán	427	627	-31.8%	1,432	1,395	2.6%
Lợi nhuận gộp	-0.36	7.82	-105%	-18.2	17.5	-204%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.07	-93.2%
Chi phí TC	15.8	16.9	-6.4%	53.9	60.2	-10.4%
Chi phí lãi vay	15.8	16.9	-6.8%	370	55.3	570%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.56	0.53	5.2%	1.87	2.03	-7.6%
Chi phí QLDN	**4.63**	**4.78**	**-3.0%**	**14.2**	**17.8**	**-20.3%**
LN thuần từ HĐKD	-21.4	-14.4	-48.4%	-88.2	-62.5	-41.2%
Lợi nhuận khác	**-4.83**	**15.2**	**-132%**	**-1.66**	**66.7**	**-102%**
LN trước thuế	-26.2	0.87	-3112%	-89.9	4.15	-2264%
Lợi nhuận sau thuế	**-26.2**	**0.87**	**-3112%**	**-94.7**	**5.28**	**-1894%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-26.2**	**0.87**	**-3112%**	**-94.7**	**5.28**	**-1894%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-22.6	103	-82.8	1.69	49.7	-47.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	42.1	-126	103	-8.32	-20.4	11.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-35.4	25.9	-14.4	10.3	-35.2	64.3
Tiền đầu kỳ	17.5	1.89	2.23	4.18	7.67	2.32
Lưu chuyển tiền thuần	**-16.0**	**2.28**	**5.50**	**3.63**	**-5.84**	**27.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	-1.65	-3.47	-0.13	0.15	-2.82
Tiền cuối kỳ	1.89	2.23	4.26	7.67	2.32	27.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,955**	**2,120**	**-7.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,257	1,516	-17.1%
Tiền và tương đương tiền	27.1	4.51	500%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	384	363	5.8%
Hàng tồn kho	809	1,124	-28.0%
Tài sản ngắn hạn khác	36.8	24.4	50.8%
Tài sản dài hạn	**699**	**604**	**15.7%**
Phải thu dài hạn	0	2.15	-100%
Tài sản cố định	367	306	20.1%
Bất động sản đầu tư	5.77	9.58	-39.8%
Tài sản dở dang	290	249	16.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**35.6**	**37.4**	**-4.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,295	1,360	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**1,150**	**1,299**	**-11.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	865	911	-5.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	219	280	-21.6%
Nợ dài hạn	145	61.6	135%
Vay và nợ thuê dài hạn	85.4	4.15	1960%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**660**	**759**	**-13.1%**
Vốn chủ sở hữu	**660**	**759**	**-13.1%**
Vốn điều lệ	614	614	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)